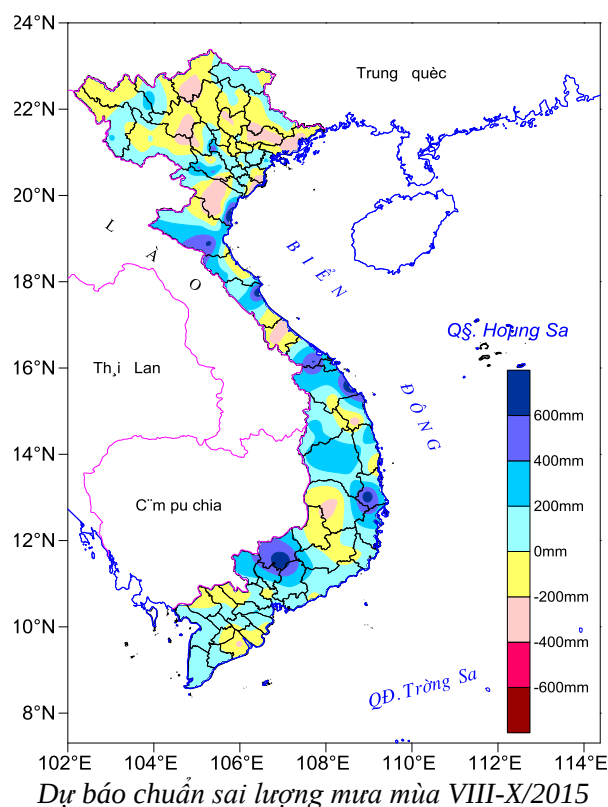
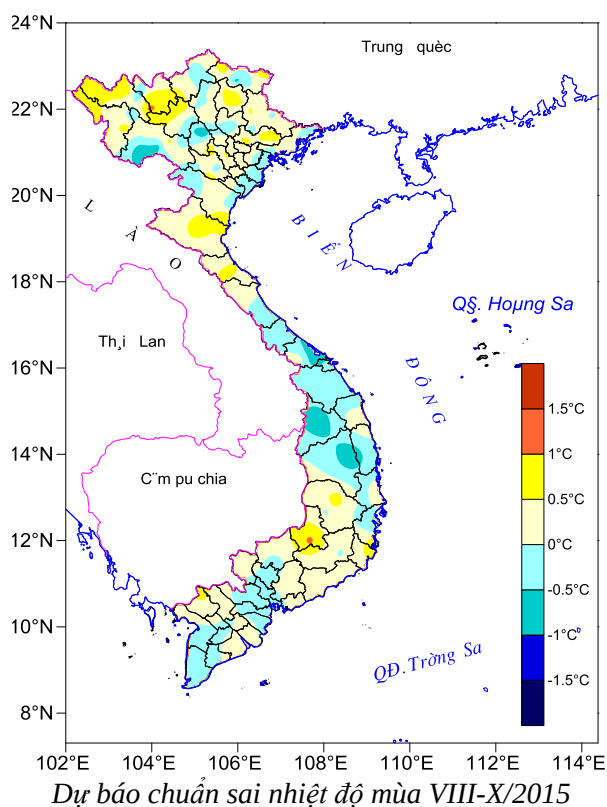




THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU THÁNG VIII, IX, X NĂM 2015



MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU	5
DANH MỤC HÌNH VẼ	5
PHẦN I: TỔNG KẾT KHÍ HẬU	6
1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực	6
1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam	8
1.2.1. Nhiệt độ	8
1.2.2. Lượng mưa	10
1.2.3. Số giờ nắng	12
1.2.4. Bốc hơi và chỉ số ẩm	12
1.2.5. Một số hiện tượng khí tượng đặc biệt	13
1.2.6. Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn	14
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII, IX, X NĂM 2015	15
2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực	15
2.1.1. Hiện tượng ENSO	15
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực	15
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam	17
2.2.1. Dự báo nhiệt độ	17
2.2.2. Dự báo lượng mưa	17
2.2.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)	17

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu khí tượng - khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Phòng Nghiên cứu Dự báo Khí hậu, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng - khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 04. 62728299.

Email: dubaokhihau@imh.ac.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	BOM	Cục Khí tượng Úc
2	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ
3	CS	Chuẩn sai
4	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu
5	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu
6	KKL	Không khí lạnh
7	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
8	NCC	Trung tâm Khí hậu Quốc gia Úc
9	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
10	NĐCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
11	NĐCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
12	NĐTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
13	NĐTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
14	SNM	Số ngày mưa
15	SOI	Chỉ số dao động Nam
16	SST	Nhiệt độ mặt nước biển
17	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển
18	TBD	Thái Bình Dương
19	TC	Tỷ chuẩn
20	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
21	TLM	Tổng lượng mưa
22	TSGN	Tổng số giờ nắng
23	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng VI/2015 tại một số trạm tiêu biểu	10
Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng VI/2015 tại một số trạm tiêu biểu	11
Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng VIII-X năm 2015	20

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Phân bố nhiệt độ mặt nước biển trung bình tháng VI/2015 (°C)	6
Hình 1.2. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình tháng VI/2015 (°C)	7
Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SOI	7
Hình 1.4. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực Nino3 (VII/2011- VI/2015)	7
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tháng VI/2015 (°C) trên khu vực châu Á	7
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai lượng mưa tháng VI/2015 (mm) trên khu vực châu Á	7
Hình 1.7. Phân bố nhiệt độ trung bình tháng VI/2015 (°C)	9
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng VI/2015 (°C)	9
Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng VI/2015 (°C)	9
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng VI/2015 (°C)	9
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng VI/2015 (mm)	11
Hình 1.12. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng VI/2015 (%)	11
Hình 1.13. Phân bố tổng số giờ nắng tháng VI/2015 (giờ)	12
Hình 1.14. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng VI/2015 (mm)	13
Hình 1.15. Phân bố chỉ số ẩm tháng VI/2015	13
Hình 2.1. Dự báo SSTA (°C) mùa 3 tháng VIII-X năm 2015	16
Hình 2.2. Dự báo SSTA (°C) tại NINO3	16
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng VIII-X năm 2015 cho khu vực châu Á	16
Hình 2.4. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng VIII-X năm 2015 cho khu vực châu Á	16
Hình 2.5. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ (°C) mùa 3 tháng VIII-X năm 2015	16
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) mùa 3 tháng VIII-X năm 2015	16
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng VIII-X năm 2015	18
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng VIII-X năm 2015	19

PHẦN I: TỔNG KẾT KHÍ HẬU

Phần “**Tổng kết khí hậu**” trình bày diễn biến khí hậu trên thế giới, khu vực và ở Việt Nam trong **tháng VI/2015**. Nguồn số liệu và thông tin chủ yếu được thu thập từ Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC), Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu (IRI), Cục Khí tượng Úc (BOM).

1.1. Diễn biến khí hậu trên thế giới và khu vực

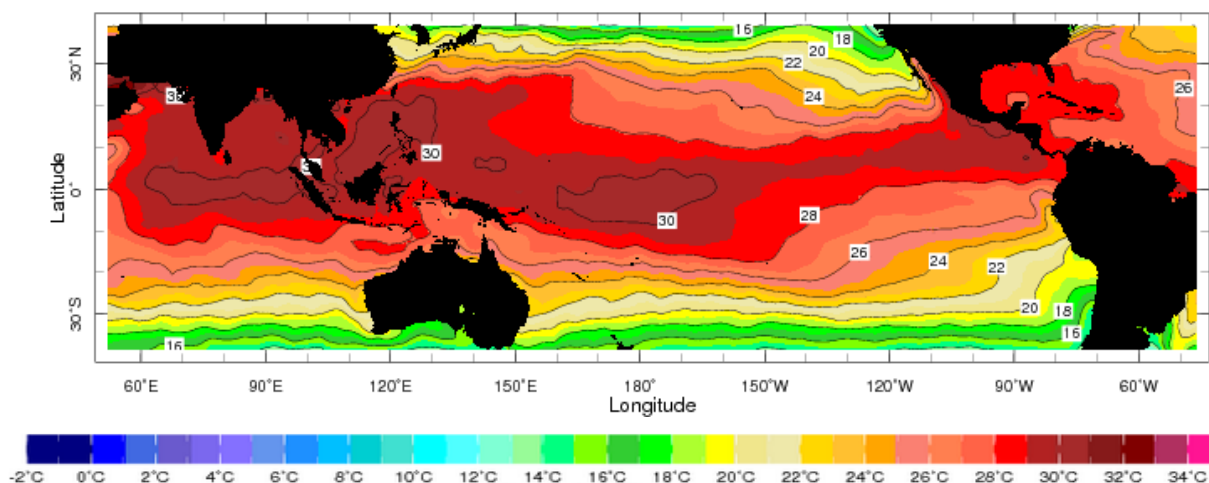
Hiện tượng ENSO: Bản tin của CPC ngày 16/VII/2015 cho thấy, chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (SSTA) cao hơn 1°C ở Trung tâm và phía Đông xích đạo TBD. Cũng trên khu vực xích đạo TBD, gió Đông bất thường tiếp tục duy trì ở trên cao. Chỉ số dao động Nam (SOI) có giá trị âm. Nhìn chung, các điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh El Nino tiếp tục hoạt động mạnh lên trong tháng VI/2015.

Theo kết quả của BOM, trong tháng VI/2015, áp cao lục địa châu Á không còn ảnh hưởng đến khu vực Đông Dương; áp thấp Ấn - Miến phát triển và tăng cường ảnh hưởng đến khu vực Đông Á. Hoạt động của gió mùa mùa hè tiếp tục tăng cường.

Tổng kết của IRI về diễn biến khí hậu khu vực châu Á trong tháng VI/2015:

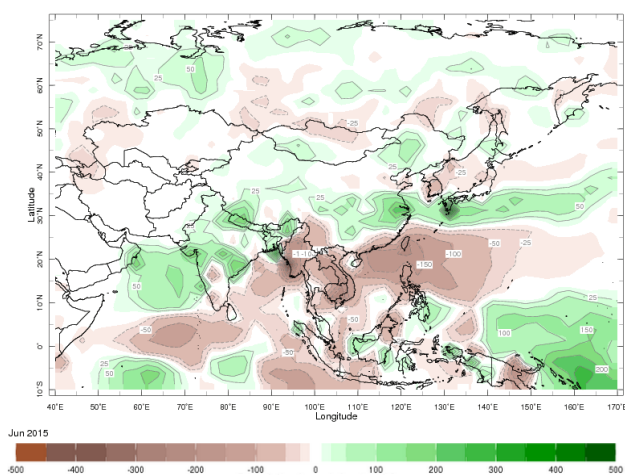
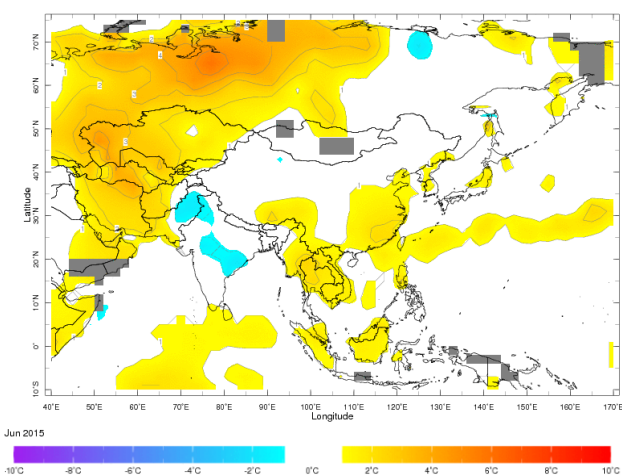
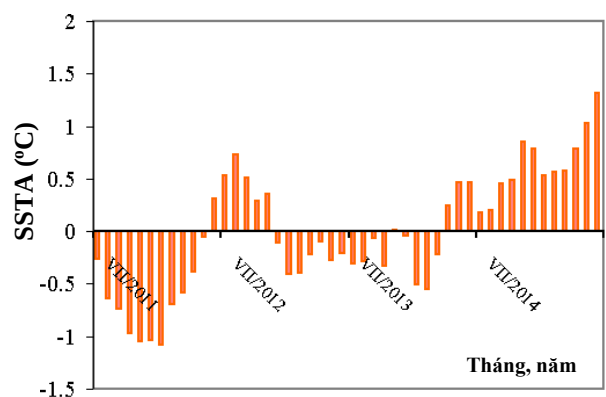
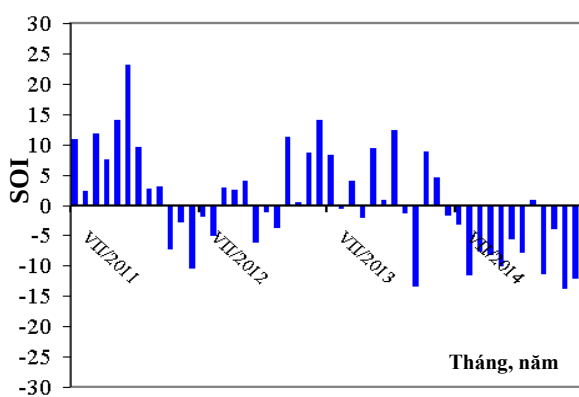
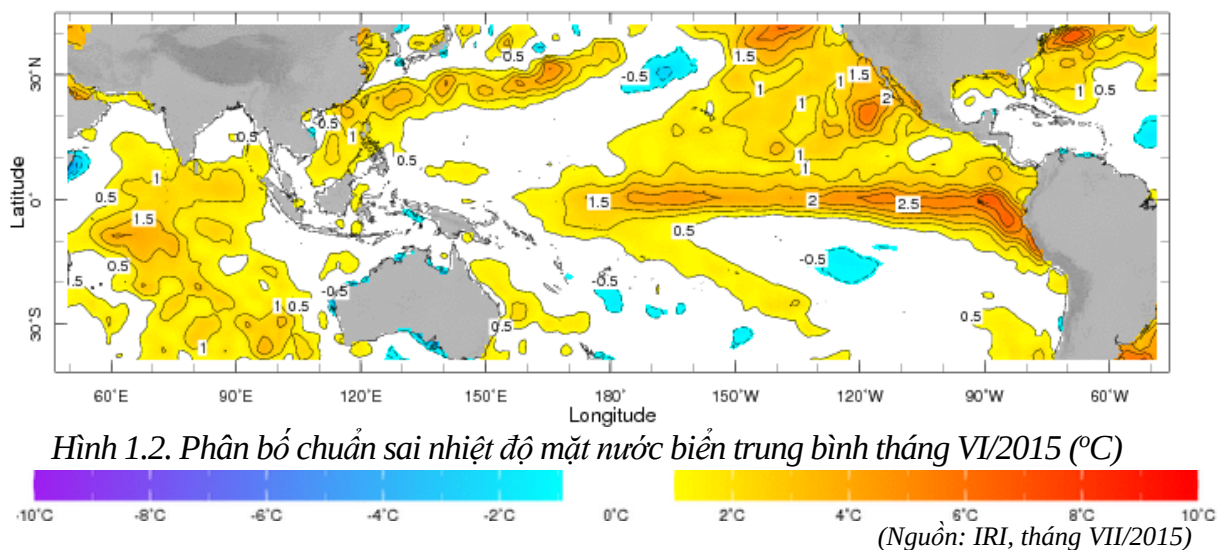
Nhiệt độ tháng VI/2015 đạt giá trị từ cận đến vượt chuẩn ở hầu hết diện tích khu vực, với chuẩn sai từ 0 đến trên 5°C ; hụt chuẩn ở một phần nhỏ diện tích Đông Bắc Liên bang Nga và Ấn Độ (Hình 1.5).

Lượng mưa vượt chuẩn từ 0 đến trên 100mm ở đa phần diện tích thuộc Liên bang Nga, Trung Quốc, Ấn Độ và phía Đông Indônêxia; lượng mưa hụt chuẩn từ 0 đến trên 100mm ở một phần diện tích phía Nam Liên bang Nga, Nam Trung Quốc và đại bộ phận diện tích khu vực Đông Nam Á (Hình 1.6).



Hình 1.1. Phân bố nhiệt độ mặt nước biển trung bình tháng VI/2015 ($^{\circ}\text{C}$)

(Nguồn: IRI, tháng VII/2015)



1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam

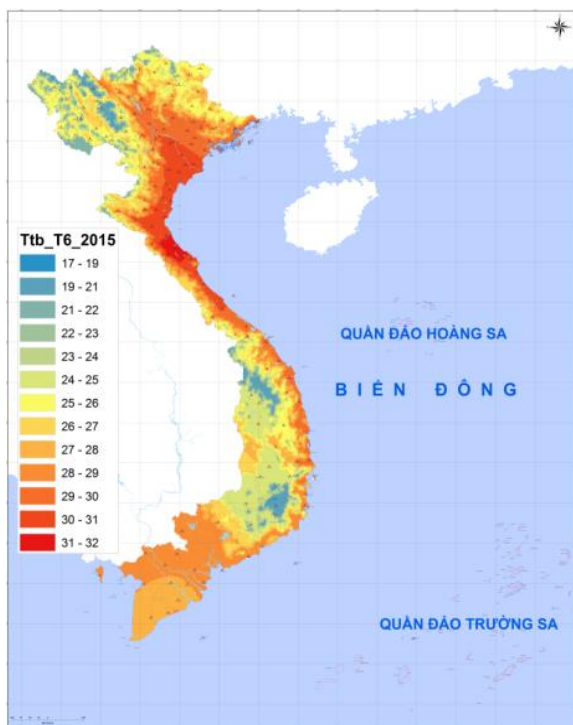
1.2.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ) tháng VI/2015: Theo số liệu quan trắc, nhiệt độ trung bình dao động từ trên 18,5 đến xấp xỉ 32°C. Trong đó, nhiệt độ phổ biến ở khu vực vùng núi Bắc Bộ là 25 đến 30°C; khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ là 27 đến 31°C; Tây Nguyên có nhiệt độ trung bình tháng VI/2015 thấp nhất cả nước, giá trị phổ biến là 23 đến 26°C (Bảng 1.1, Hình 1.7).

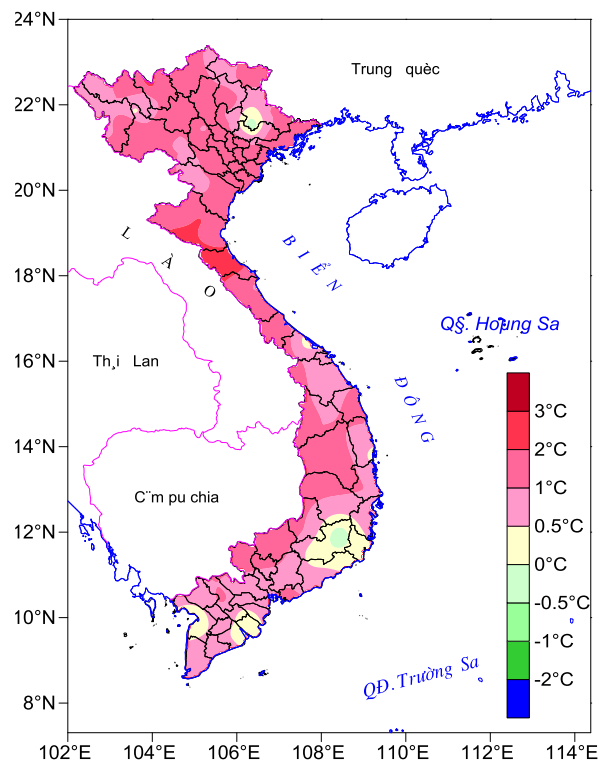
NĐTĐ tháng VI/2015 vượt chuẩn từ 0 đến 2,5°C trên hầu khắp diện tích cả nước; hụt chuẩn chỉ xảy ra ở Hữu Lũng (Lạng Sơn): -0,5°C và Đà Lạt (Lâm Đồng): -0,3°C. (Bảng 1.1, Hình 1.8).

Nhiệt độ tối cao trung bình tháng VI có giá trị từ trên 24 đến gần 38,5°C, vượt chuẩn phổ biến từ 0 đến 4°C ở hầu hết diện tích nước ta; hụt chuẩn xảy ra ở Quy Nhơn (Bình Định): -1,0°C và Ngân Sơn (Bắc Cạn): -0,9°C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) dao động từ trên 26,5 đến lớn hơn 41,5°C, thấp hơn số liệu lịch sử từ dưới 0,5 đến 4,5°C; một số nơi có NĐTCTĐ cao hơn lịch sử như Bắc Quang (Hà Giang): 0,1°C và Rạch Giá (Kiên Giang): 0,5°C. Trị số lớn nhất của NĐTCTĐ đo được là 41,8°C tại Quỳnh Hợp (Nghệ An) vào ngày 4/VI/2015.

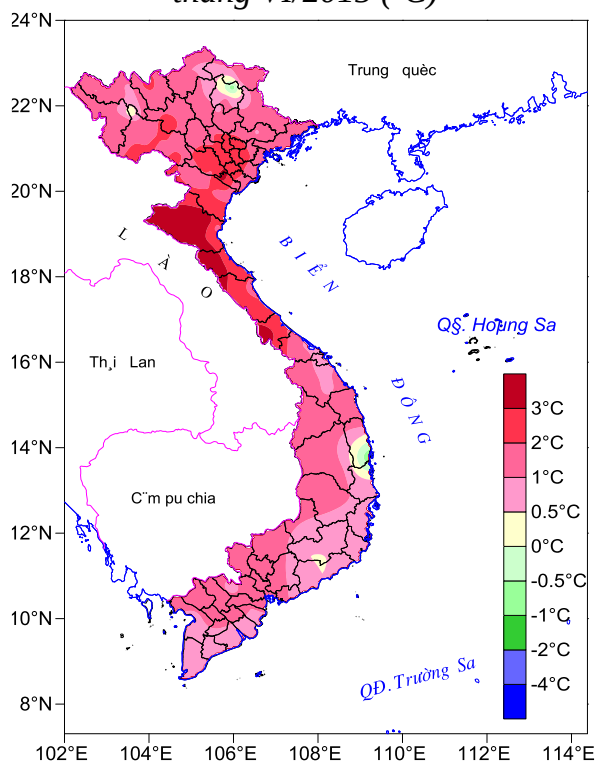
Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTTĐ) tháng VI có giá trị từ 16,5 đến trên 28,5°C, vượt chuẩn từ 0 đến gần 2,5°C ở hầu khắp diện tích lãnh thổ (Bảng 1.1, Hình 1.10); hụt chuẩn xảy ra ở Huế (Thừa Thiên Huế), Bảo Lộc (Lâm Đồng): 0,2°C và Cà Mau (Trà Vinh): 0,3°C. Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTTĐ) tháng VI có giá trị từ dưới 14,5 đến 26°C, cao hơn số liệu lịch sử từ xấp xỉ 1,5 đến gần 7,5°C và trị số thấp nhất là 14,4°C đo được tại Đà Lạt vào ngày 3/VI/2015.



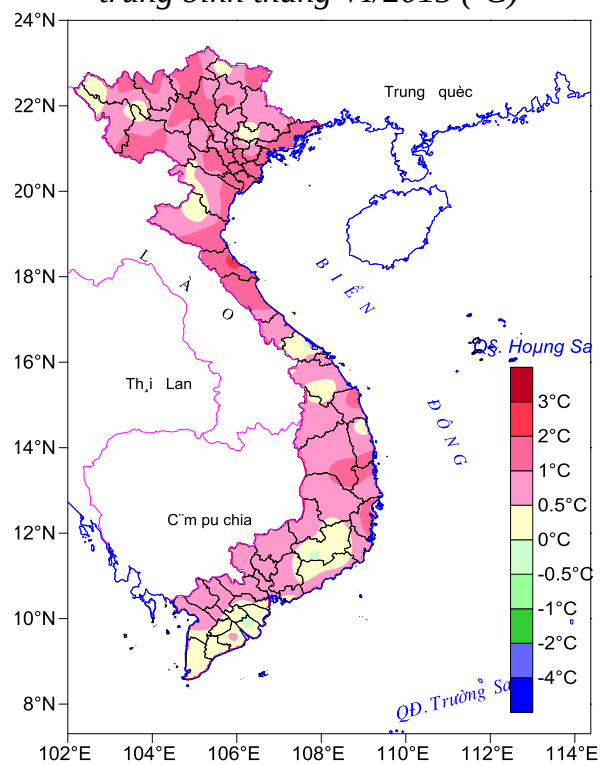
Hình 1.7. Phân bố nhiệt độ trung bình tháng VI/2015 (°C)



Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng VI/2015 (°C)



Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng VI/2015 (°C)



Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng VI/2015 (°C)

Bảng 1.1. Đặc trưng nhiệt độ tháng VI/2015 tại một số trạm tiêu biểu

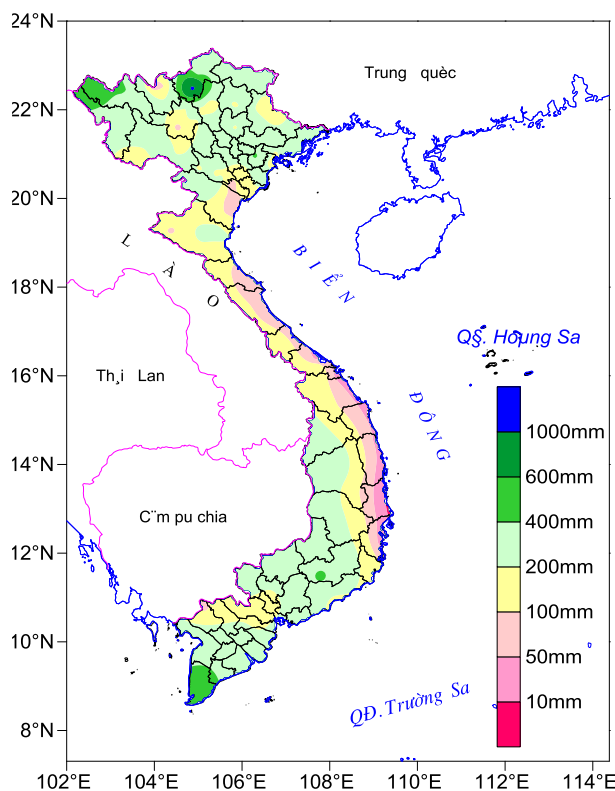
STT	Trạm	Nhiệt độ trung bình		Nhiệt độ tối cao		Nhiệt độ tối thấp	
		NĐTB (°C)	CS (°C)	NĐCTB (°C)	CS (°C)	NĐTTTB (°C)	CS (°C)
1	Điện Biên	27,1	0,9	32,2	1,1	24,0	0,7
2	Sơn La	26,5	1,2	31,4	1,4	23,0	0,8
3	Sa Pa	20,9	1,1	24,3	1,4	18,4	0,7
4	Bắc Quang	29,3	1,5	34,5	1,7	25,8	1,1
5	Lạng Sơn	28,0	1,0	32,8	1,3	24,6	0,8
6	Thái Nguyên	29,6	1,0	34,1	1,4	26,4	0,8
7	Láng	30,9	1,8	35,9	2,8	27,5	1,2
8	Bãi Cháy	29,7	1,2	32,7	1,3	27,4	1,3
9	Phù Lễn	29,7	1,5	33,7	1,8	27,0	1,4
10	Thanh Hoá	30,3	1,2	35,1	1,9	27,4	1,2
11	Vinh	31,6	2,0	36,7	2,8	28,1	1,7
12	Huế	29,5	0,2	35,5	0,9	25,0	-0,2
13	Đà Nẵng	29,8	0,6	34,8	0,6	26,5	0,9
14	Quy Nhơn	30,2	0,3	33,4	-1,0	28,0	1,2
15	Nha Trang	29,5	0,9	33,2	0,7	27,0	1,4
16	Phan Thiết	28,6	0,8	32,6	0,5	25,9	0,8
17	Plây cu	24,1	1,2	28,7	1,4	21,1	0,7
18	B.M. Thuật	25,7	0,9	31,1	1,2	22,4	0,6
19	Đà Lạt	18,7	-0,3	24,1	0,6	16,5	0,1
20	Tân Sơn Hoà	28,7	0,8	33,7	1,3	25,4	0,8
21	Vũng Tàu	29,2	1,2	32,7	1,1	26,1	0,4
22	Rạch Giá	28,4	0,2	31,5	0,9	26,4	0,6
23	Cần Thơ	28,0	0,9	33,1	1,4	25,0	0,4
24	Cà Mau	28,2	0,7	32,6	0,8	25,2	0,3

1.2.2. Lượng mưa

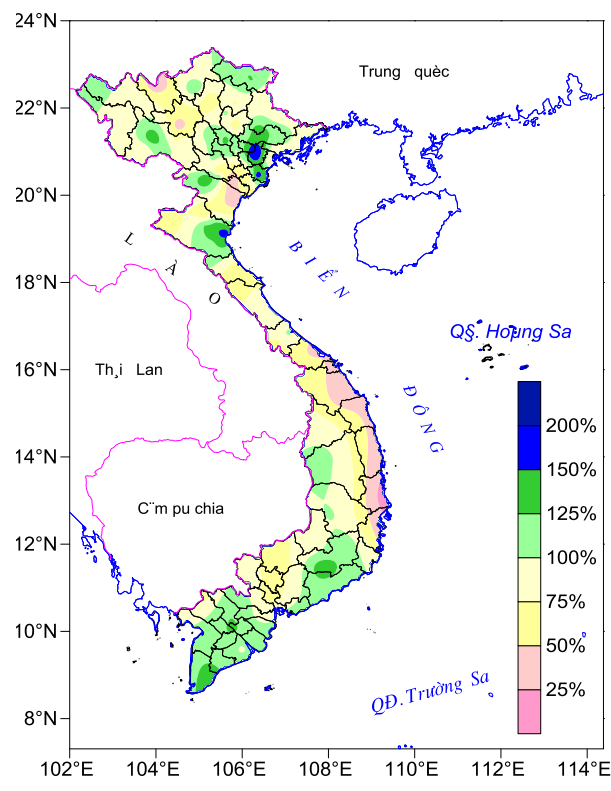
Trong tháng VI, trên đa phần diện tích lãnh thổ có tổng lượng mưa (TLM) dao động từ 200 đến 400mm; đại bộ phận diện tích Trung Bộ có TLM dưới 200mm. Nơi có TLM cao nhất là Bắc Quang (1113mm) và Mường Tè (505mm). Lượng mưa tháng VI/2015 hụt chuẩn trên đại bộ phận diện tích cả nước (tỷ chuẩn phổ biến từ dưới 50 đến nhỏ hơn 100%); lượng mưa vượt chuẩn xảy ra chủ yếu ở đồng bằng Bắc Bộ, cực nam Trung Bộ và Tây Nam Bộ, tỷ chuẩn dao động từ 100 đến trên 150% (Bảng 1.2, Hình 1.11, Hình 1.12). Nơi có tỷ chuẩn lượng mưa lớn nhất là Hải Dương (194,3%), Thái Bình (169,3%) và nơi có tỷ chuẩn thấp nhất là Tuy Hòa (8,5%).

Số ngày mưa trong tháng VI hụt chuẩn phổ biến từ 1 đến gần 10 ngày ở đại bộ phận diện tích nước ta (Bảng 1.2); vượt chuẩn từ 1 đến trên 5 ngày xảy ra ở một phần

nhỏ diện tích thuộc các khu vực như Bắc Bộ, Nam Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLT) trong tháng VI phổ biến từ 20 đến 100mm và trị số LMNLT đo được là 310mm tại trạm Bắc Quang vào ngày 5/VI/2015.



Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng VI/2015 (mm)



Hình 1.12. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng VI/2015 (%)

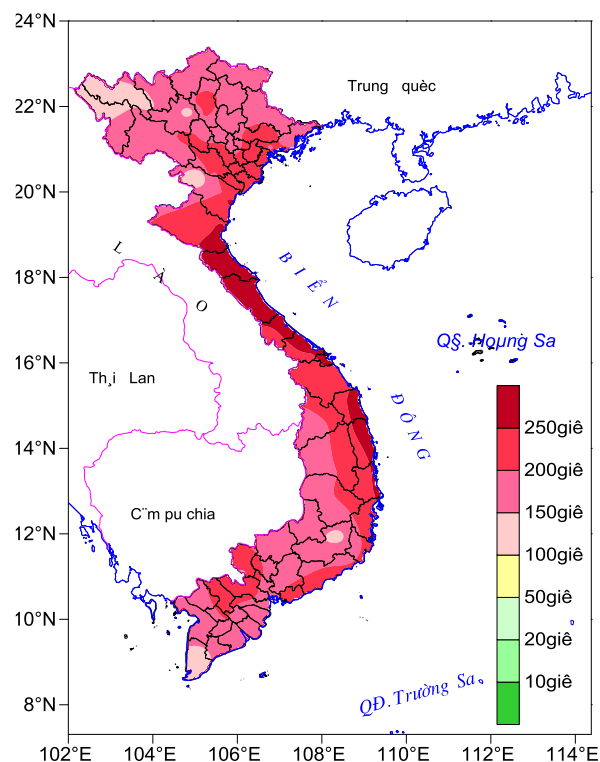
Bảng 1.2. Đặc trưng lượng mưa tháng VI/2015 tại một số trạm tiêu biểu

STT	Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLT (mm)
		TLM (mm)	TC (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
1	Điện Biên	237	93,7	17	-2,8	62
2	Sơn La	360	151,0	15	-3,8	220
3	Sa Pa	287	69,4	22	-2,3	41
4	Bắc Quang	1113	125,0	20	-2,7	310
5	Lạng Sơn	149	85,1	15	-0,5	33
6	Thái Nguyên	185	55,7	12	-4,8	45
7	Láng	241	93,8	17	2,6	75
8	Bãi Cháy	256	99,2	13	-1,8	84
9	Phù Lãng	166	70,9	13	-1,3	59
10	Thanh Hóa	79	41,4	5	-6,5	39
11	Vinh	121	112,2	4	-4,7	67
12	Huế	34	27,7	6	-3,9	14
13	Đà Nẵng	25	25,4	4	-4,7	15
14	Quy Nhơn	18	25,5	5	-2,5	15

STT	Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
		TLM (mm)	TC (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
15	Nha Trang	22	36,7	7	-2,2	10
16	Phan Thiết	159	107,7	14	-2,4	34
17	Plây cu	372	104,3	19	-4,1	145
18	B.M. Thuật	275	102,7	16	-6,4	61
19	Đà Lạt	259	118,6	24	1,9	70
20	Tân Sơn Hoà	167	58,4	13	-9,2	50
21	Vũng Tàu	254	114,0	20	1,3	78
22	Rạch Giá	320	109,6	19	-1,0	80
23	Cần Thơ	292	128,9	17	-3,5	75
24	Cà Mau	447	126,8	21	-0,7	68

1.2.3. Số giờ nắng

Trong tháng VI/2015, trên hầu hết diện tích nước ta có tổng số giờ nắng (TSGN) dao động từ 150 đến trên 250 giờ. Nơi có TSGN cao nhất là Kỳ Anh và Hà Tĩnh (292 giờ). Nơi có TSGN thấp nhất là ở Hội Xuân (107 giờ) và Mù Cang Chải (108 giờ). TSGN tháng VI vượt chuẩn từ 1 đến gần 100 giờ trên hầu khắp diện tích cả nước; hụt chuẩn từ 1 đến trên 20 giờ ở một số nơi thuộc phía Nam lãnh thổ.

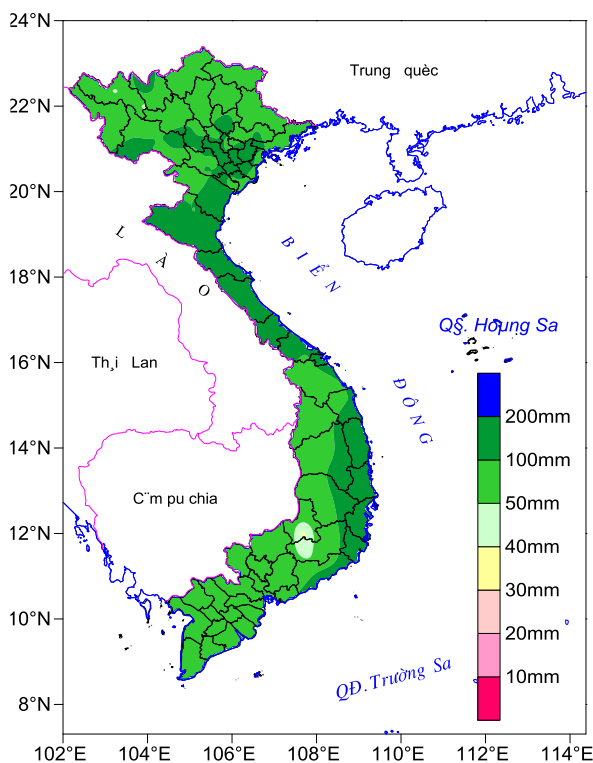


Hình 1.13. Phân bố tổng số giờ nắng tháng VI/2015 (giờ)

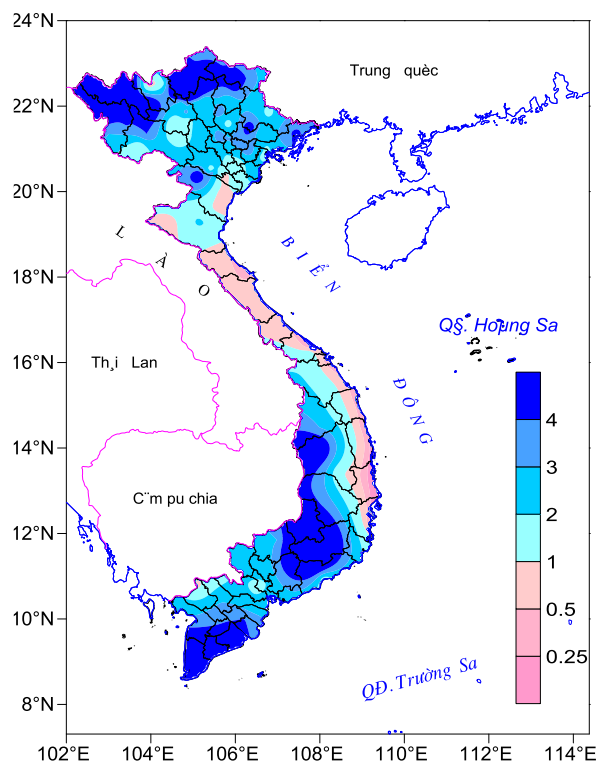
1.2.4. Bốc hơi và chỉ số ẩm

Trong tháng VI/2015, tổng lượng bốc hơi ở nước ta dao động chủ yếu trong khoảng từ 50 đến 200mm; vượt chuẩn từ 1 đến trên 40mm ở phần lớn diện tích lãnh thổ; hụt chuẩn từ 1 đến gần 15 mm xảy ra ở một vài nơi thuộc Trung Bộ và đa phần diện tích Nam Bộ.

Chỉ số ẩm K (tỷ số giữa TLM và TLBH) trong tháng VI trên đa phần diện tích nước ta có giá trị từ 1 đến lớn hơn 4; K nhỏ hơn 1 xảy ra trên khu vực từ Hà Tĩnh đến Khánh Hòa (Hình 1.15).



Hình 1.14. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng VI/2015 (mm)



Hình 1.15. Phân bố chỉ số ẩm tháng VI/2015

1.2.5. Một số hiện tượng khí tượng đặc biệt

Xoáy thuận nhiệt đới: Trong tháng VI có một cơn bão (bão số 1) hoạt động trên Biển Đông từ ngày 21 và đến ngày 24 thì đổ bộ vào địa phận tỉnh Quảng Ninh và Hải Phòng. Bão số 1 làm 15 người chết và mất tích, 6 người bị thương và nhiều thiệt hại về nhà cửa, hoa màu, thủy sản.

Mưa lớn: Có 2 đợt mưa lớn diện rộng xảy ra trong tháng qua: đợt mưa lớn từ đêm 8 đến ngày 9 xảy ra tại Cao Bằng, gây ngập lụt tại 13 xã, phường của 5 huyện thành phố, một số sông suối xuất hiện lũ; từ đêm 23 đến sáng ngày 25 ở các tỉnh thuộc Đông Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh xảy ra mưa lớn do ảnh hưởng của bão số 1 làm thiệt hại nặng nề về người, tài sản của nhân dân các tỉnh trên.

Mưa đá, dông lốc: Theo số liệu thống kê trên quy mô cả nước, có 9 trận dông lốc, mưa đá xảy ra trong tháng qua. Chiều ngày 2/VI xảy ra lốc xoáy ở Phú Lộc (Thừa Thiên Huế); chiều ngày 3/VI xảy ra lốc xoáy ở TP. Hồ Chí Minh; ngày 5/VI, dông lốc xảy ra ở Hà Nội; chiều ngày 11/VI xuất hiện mưa dông kèm lốc ở Quảng Yên (Quảng Ninh) làm 2 người chết và mất tích; chiều ngày 12/VI, lốc xoáy kèm mưa đá xảy ra ở Yên Thành (Nghệ An); chiều ngày 13/VI, dông lốc xảy ra trên địa bàn TP. Hà Nội làm 2 người chết và 7 người bị thương; cũng trong ngày 13/VI, lốc xoáy xảy ra ở Khoái

Châu (Hưng Yên); ngày 23/VI xuất hiện mưa dông kèm lốc ở Ngã Năm (Sóc Trăng) và ngày 24/VI xảy ra mưa dông ở Trảng Bàng (Tây Ninh).

Nắng nóng: Trong tháng VI/2015 có 2 đợt nắng nóng kéo dài xảy ra ở nước ta. Từ ngày 1 đến ngày 21/V/2015, nắng nóng diện rộng xảy ra trên cả nước với nhiệt độ tối cao phổ biến ở Bắc Bộ là 35 - 38°C, ở Trung Bộ xảy ra nắng nóng gay gắt hơn với nhiệt độ tối cao phổ biến 38 - 40°C và ở Đông Nam Bộ có nhiệt độ tối cao phổ biến là 35 - 36°C. Đợt nắng nóng này làm 2 người bị chết ở Nghệ An. Từ ngày 26/VI đến 5/VII, nắng nóng xảy ra ở Bắc Bộ và Trung Bộ với nhiệt độ tối cao phổ biến 35 - 38°C.

Hạn hán: Hạn hán tiếp tục xảy ra ở cực Nam Trung Bộ.

1.2.6. Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn

Trong VI/2015, thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn chủ yếu là do bão, mưa lớn, dông lốc, mưa đá và hạn hán gây ra làm 21 người chết và mất tích, 13 người bị thương, trên 1.100 ngôi nhà bị đổ, hư hỏng, tốc mái và nhiều thiệt hại khác. Theo số liệu ước tính, thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn vào khoảng trên 1.612,07 tỷ đồng (trong đó thiệt hại do khô hạn khoảng 1.600 tỷ đồng).

Tóm lại, qua những phân tích ở trên có thể rút ra một số nhận xét chính về diễn biến của khí hậu tháng VI/2015 ở khu vực Việt Nam:

- Nhiệt độ trung bình ở nước ta dao động từ trên 18,5 đến xấp xỉ 32°C, vượt chuẩn từ dưới 0 đến 2,5°C trên hầu khắp diện tích cả nước;
- Trên đa phần diện tích lãnh thổ có tổng lượng mưa dao động từ 200 đến 400mm; đại bộ phận diện tích Trung Bộ có TLM dưới 200mm. Lượng mưa hụt chuẩn trên đại bộ phận diện tích cả nước (tỷ chuẩn từ dưới 50 đến nhỏ hơn 100%); lượng mưa vượt chuẩn xảy ra chủ yếu ở đồng bằng Bắc Bộ, cực Nam Trung Bộ và Tây Nam Bộ (tỷ chuẩn phổ biến từ 100 đến 150%).
- Các hiện tượng cực đoan: Trong tháng VI, ở nước ta bị ảnh hưởng bởi 1 cơn bão; xảy ra 2 trận mưa lớn diện rộng; 9 trận dông lốc, mưa đá và có 2 đợt nắng nóng.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII, IX, X NĂM 2015

Nội dung chính của Phần II được xây dựng dựa trên kết quả tổng hợp thông tin từ IRI, CPC, BOM, Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (ECMWF) và kết quả dự báo bằng mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

2.1. Dự báo hiện tượng ENSO và khí hậu khu vực

2.1.1. Hiện tượng ENSO

Bản tin của CPC/IRI ngày 09/VII/2015 cho thấy: Các điều kiện khí quyển và đại dương trong tháng qua đã phản ánh El Nino liên tục được tăng cường, với SSTA vượt $1,0^{\circ}\text{C}$ ở phía Đông và Trung tâm xích đạo TBD. Dự báo về ENSO của CPC/IRI là 99% khả năng El Nino tiếp tục duy trì đến mùa thu ở Bắc Bán Cầu và 86% kéo dài đến hết mùa xuân 2016.

Dự báo của IRI đối với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trong mùa 3 tháng VIII-X năm 2015: Trên khu vực xích đạo TBD, SSTA có giá trị từ 0,25 đến trên 2°C . Khu vực xích đạo Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương, SSTA dao động từ -0,5 đến trên 1°C . Trên Biển Đông, SSTA trong khoảng từ 0 đến $0,5^{\circ}\text{C}$ (Hình 2.1).

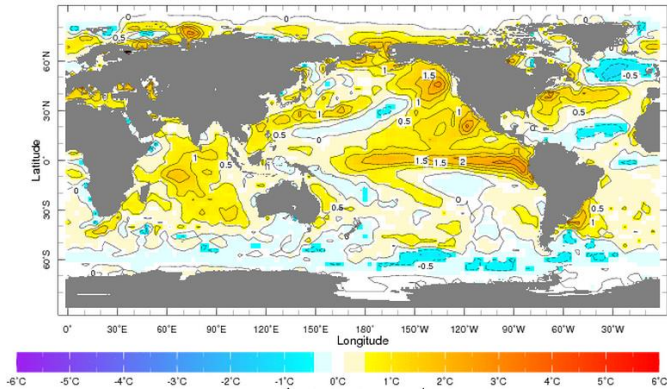
Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 của ECMWF trong mùa 3 tháng VIII - X có giá trị dao động từ 2,5 đến gần 3°C (Hình 2.2). Tổng hợp các mô hình dự báo ENSO của Trung tâm Khí hậu Quốc gia Úc (NCC) cho thấy trên khu vực xích đạo Thái Bình Dương nhiều khả năng El Nino tiếp tục duy trì trong các tháng tiếp theo.

Tóm lại, hiện tượng El Nino tiếp tục duy trì và nhiều khả năng mạnh lên trong mùa 3 tháng VIII-X năm 2015.

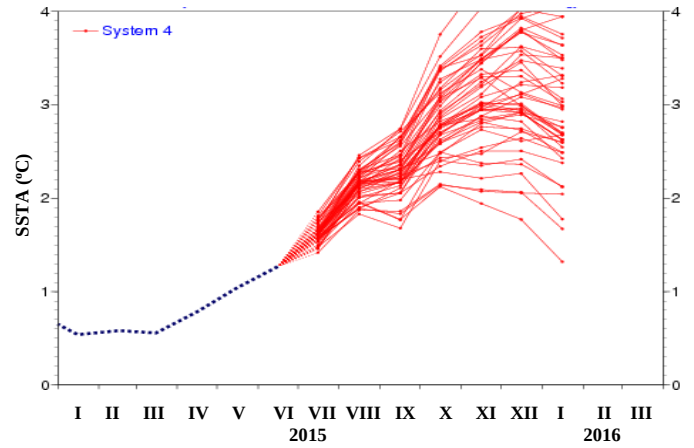
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực

Nhiệt độ: Kết quả dự báo của IRI cho thấy, nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn trên hầu hết diện tích châu Á với xác suất khoảng 40-70%, hụt chuẩn chỉ xảy ra ở phía Đông Indônêxia với xác suất khoảng 40 - 70%. Đối với lãnh thổ Việt Nam, nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn trên phạm vi cả nước với xác suất từ 60 đến 70% (Hình 2.3). Kết quả dự báo của ECMWF cũng cho thấy, nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn từ 0 đến trên 1°C ở hầu khắp diện tích Nam Á. Trên lãnh thổ Việt Nam, nhiệt độ vượt chuẩn từ 0,5 đến 1°C trên phạm vi toàn lãnh thổ (Hình 2.5).

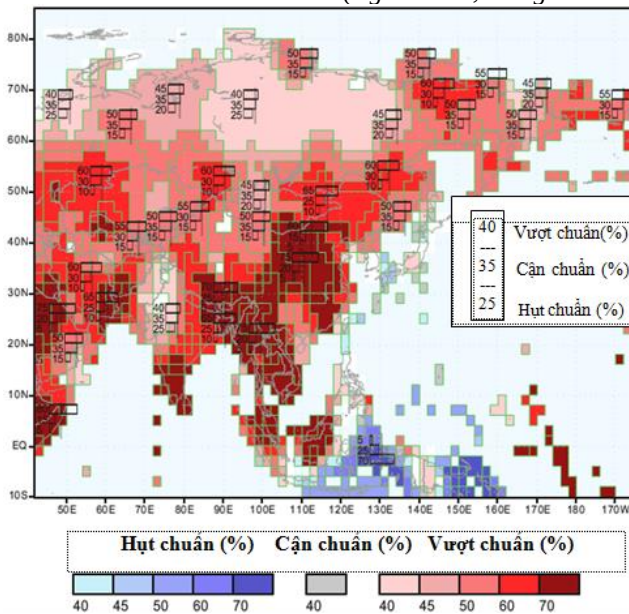
Lượng mưa: Kết quả dự báo của IRI cho thấy, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn ở một phần nhỏ diện tích Trung Quốc với xác suất khoảng 40%, hụt chuẩn ở Philippin, Indônêxia và Malaixia với xác suất từ 60 đến 70% (Hình 2.5). Theo kết quả dự báo của ECMWF, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn từ 0 đến trên 200mm ở đại bộ phận diện tích Nam Á; vượt chuẩn từ 0 đến 50mm ở một phần diện tích Tây Indônêxia. Trên lãnh thổ Việt Nam, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn từ 100 đến 200mm trên phạm vi cả nước (Hình 2.6).



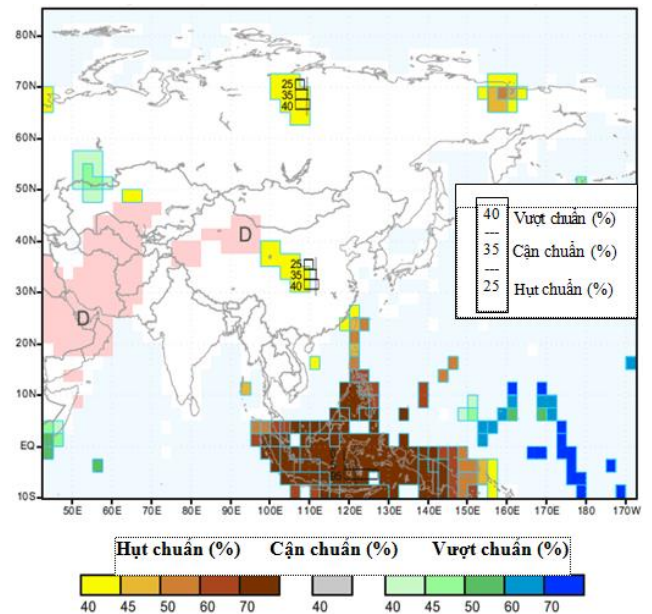
Hình 2.1. Dự báo SSTA (°C) mùa 3 tháng VIII-X năm 2015
(Nguồn: IRI, tháng VII/2015)



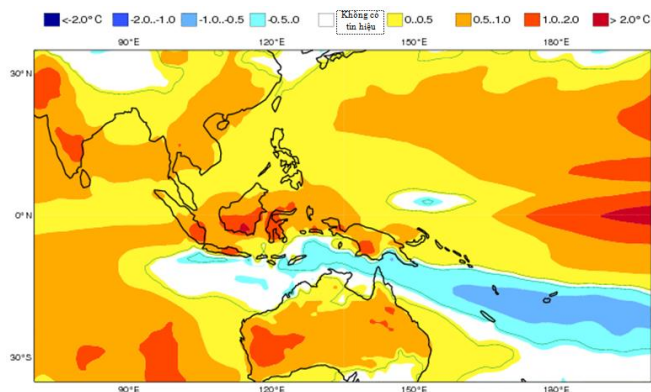
Hình 2.2. Dự báo SSTA (°C) tại NINO3.4
(Nguồn: ECMWF, tháng VII/2015)



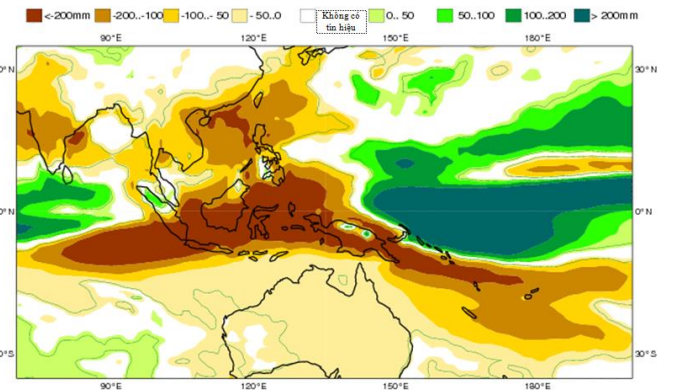
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng VIII-X năm 2015 cho khu vực châu Á
(Nguồn: IRI, tháng VII/2015)



Hình 2.4. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng VIII-X năm 2015 cho khu vực châu Á
(Nguồn: IRI, tháng VII/2015)



Hình 2.5. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ (°C) mùa 3 tháng VIII-X năm 2015
(Nguồn: ECMWF, tháng VII/2015)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) mùa 3 tháng VIII-X năm 2015
(Nguồn: ECMWF, tháng VII/2015)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Trong mùa 3 tháng VIII-X/2015, nhiệt độ cận đến vượt chuẩn ở đa phần diện tích nước ta với xác suất từ 55 đến 77%; hụt chuẩn ở phần lớn diện tích Trung Trung Bộ, Bắc Tây Nguyên và đa phần diện tích Tây Nam Bộ với xác suất từ 55 đến 77%; chuẩn sai nhiệt độ dao động trong khoảng -0,5 đến 1°C (Hình 2.7).

2.2.2. Dự báo lượng mưa

Lượng mưa có khả năng cận đến hụt chuẩn ở đa phần diện tích nước ta với xác suất từ 55 đến 77%; vượt chuẩn ở đa phần diện tích Nam Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên với xác suất từ 55 đến 77%; chuẩn sai của lượng mưa dao động trong khoảng -200 đến 200mm (Hình 2.8).

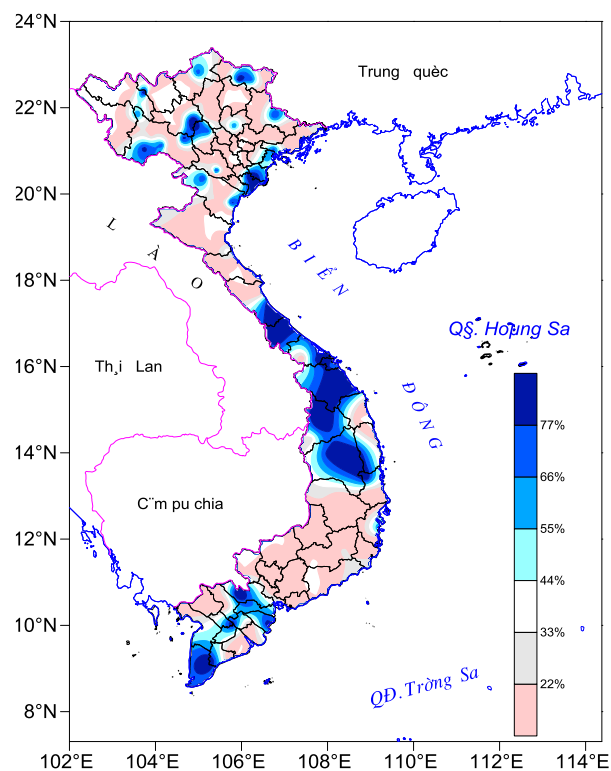
2.2.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Kết quả thống kê 3 tháng VIII-X trung bình thời kỳ 1971-2000 có khoảng 6 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và có khoảng 4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

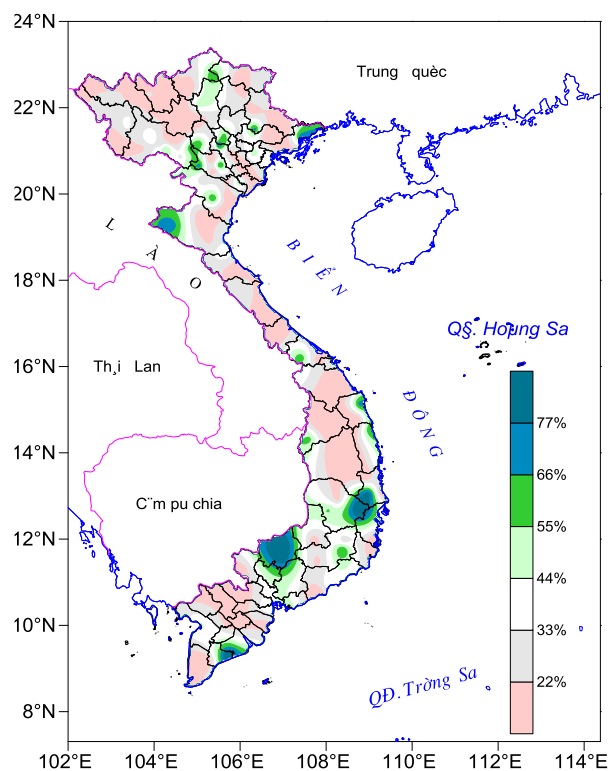
Trung bình của thời kỳ 1971 - 2000 có khoảng 4 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VIII - X

Tổng hợp các dự báo về diễn biến của ENSO, khí hậu của các Trung tâm dự báo lớn trên thế giới và phân tích các sản phẩm dự báo khí hậu của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, có thể đưa ra một số nhận định sau cho mùa 3 tháng VIII-X/2015:

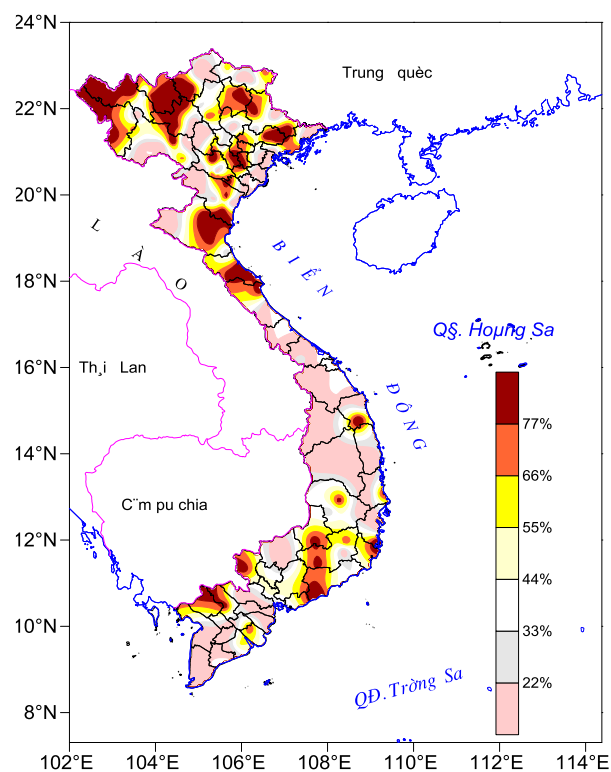
- El Nino tiếp tục duy trì và có khả năng mạnh lên trong các tháng tiếp theo;
- Nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn từ 0 đến 1°C trên đa phần diện tích cả nước;
- Lượng mưa cận đến hụt chuẩn ở phần lớn diện tích lãnh thổ; chuẩn sai của lượng mưa dao động trong khoảng -200 đến 200mm.



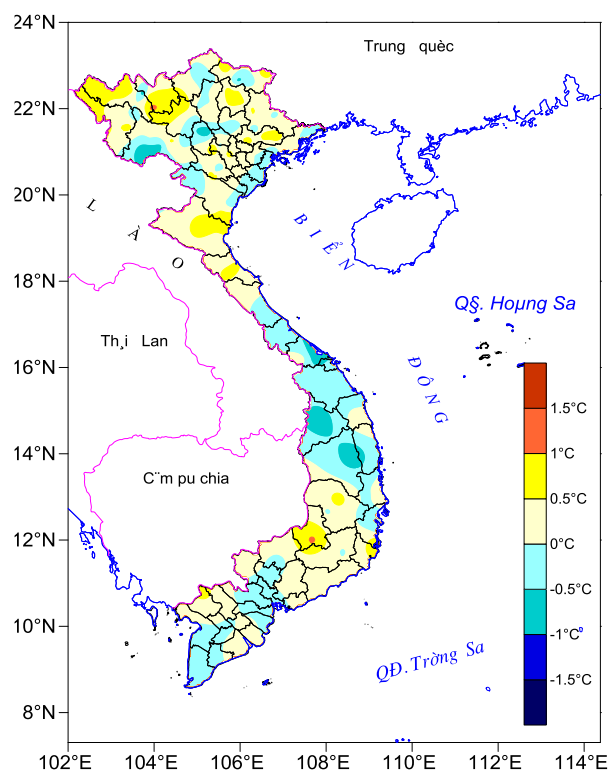
a) Xác suất vượt chuẩn (%)



b) Xác suất cận chuẩn (%)

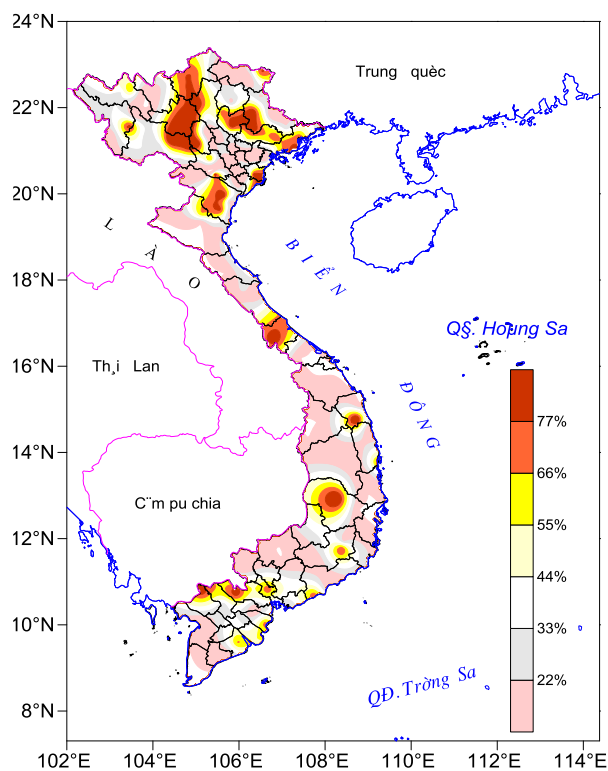


c) Xác suất vượt chuẩn (%)

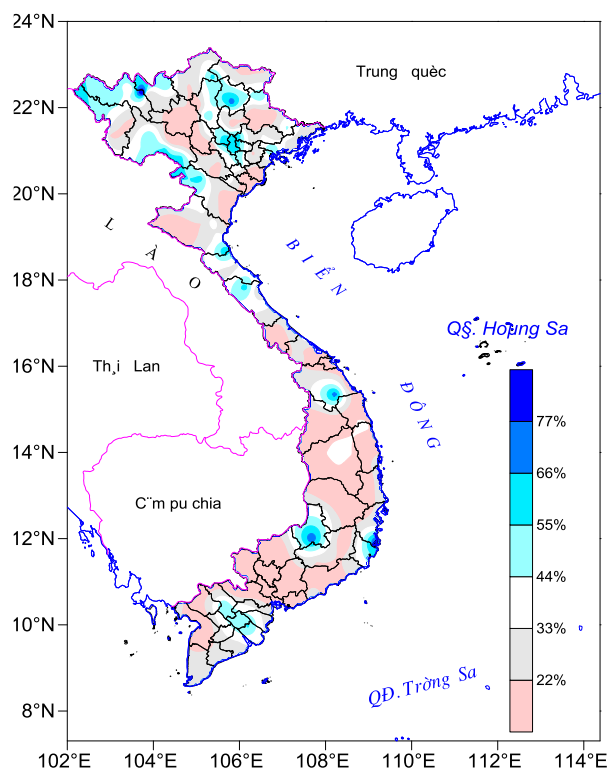


d) Chuẩn sai (°C)

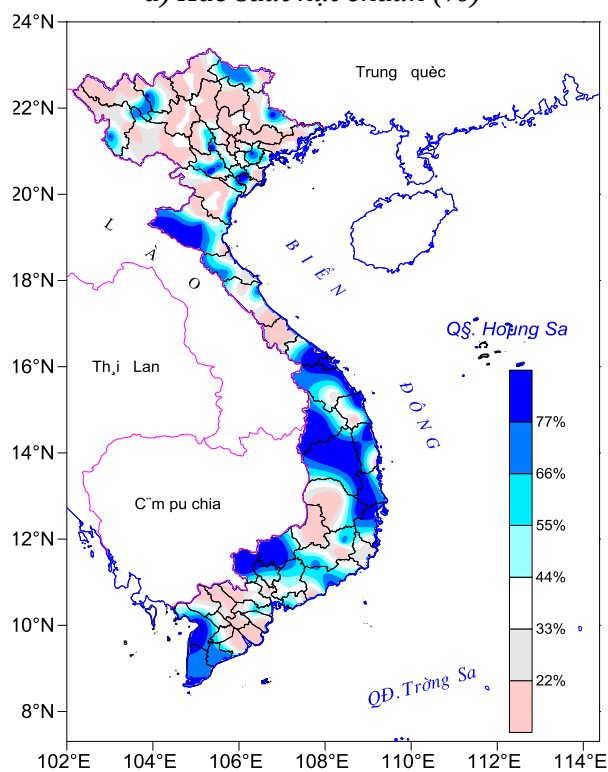
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng VIII-X năm 2015



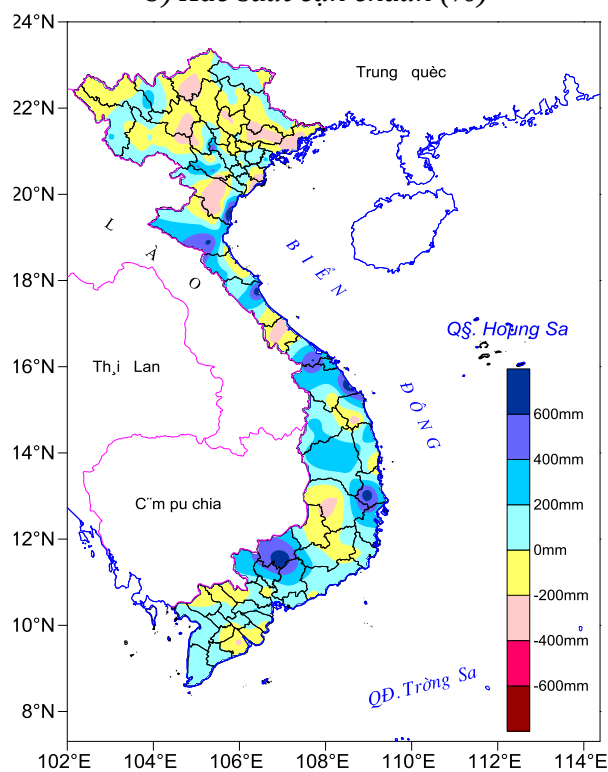
a) Xác suất hụt chuẩn (%)



b) Xác suất cận chuẩn (%)



c) Xác suất vượt chuẩn (%)



d) Chuẩn sai (mm)

Hình 2.8. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng VIII-X năm 2015

Bảng 2.1. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng VIII-X năm 2015

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
Tây Bắc									
1	Mường Tè	25,0	0	25,3	82	638,2	14	826,9	29
2	Sìn Hồ	18,0	0	18,4	79	752,0	31	907,7	23
3	Lai Châu	25,4	0	25,6	71	560,6	33	646,2	22
4	Điện Biên	24,1	0	24,5	89	433,5	0	627,0	82
5	Tuần Giáo	23,4	0	23,8	62	410,0	82	522,9	0
6	Sơn La	23,2	18	23,5	36	386,0	20	531,5	25
7	Quỳnh Nhai	25,6	67	25,9	0	487,5	0	606,8	79
8	Sông Mã	24,5	82	24,8	0	337,6	33	411,6	22
9	Yên Châu	24,8	14	25,2	29	366,2	38	495,7	6
10	Mộc Châu	20,8	0	21,1	71	595,3	33	772,8	8
Đông Bắc Bộ									
1	Sa Pa	17,6	0	17,9	75	848,1	0	1082,9	83
2	Hà Giang	25,7	73	26,0	0	717,8	75	876,7	0
3	Bắc Quang	25,6	0	26,1	93	1296,8	80	1780,2	0
4	Cao Bằng	24,7	71	25,1	7	403,6	0	543,3	75
5	Lạng Sơn	24,5	82	24,8	0	387,8	0	481,6	86
6	Tuyên Quang	26,2	0	26,7	78	568,5	38	667,5	13
7	Thái Nguyên	26,3	67	26,8	0	609,9	88	830,3	0
8	Yên Bái	26,0	100	26,3	0	720,5	100	921,8	0
9	Móng Cái	26,1	100	26,4	0	854,5	67	1057,3	11
10	Bãi Cháy	26,3	0	26,6	73	743,6	81	1023,2	6
Đồng Bằng Bắc Bộ									
1	Vĩnh Yên	26,9	15	27,3	23	525,3	19	697,0	25
2	Việt Trì	26,6	0	27,0	75	526,8	0	703,5	60
3	Bắc Giang	26,6	0	27,0	63	550,0	56	649,8	13
4	Láng	26,7	0	27,1	77	540,7	18	797,3	18
5	Hải Dương	26,6	22	27,0	28	530,4	0	669,0	82
6	Hoà Bình	26,2	0	26,6	100	636,8	70	957,5	0
7	Phù Liễn	26,3	60	26,5	0	656,8	7	815,2	60
8	Nam Định	26,7	92	27,1	0	652,7	0	921,7	100
9	Thái Bình	26,5	80	26,8	0	674,7	83	966,3	0
10	Ninh Bình	26,7	29	27,1	18	773,7	0	1049,0	77

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất hụt chuẩn (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất vượt chuẩn (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

Bảng 2.1. (tiếp theo)

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1 (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
Bắc Trung Bộ									
1	Thanh Hoá	26,4	85	26,8	0	775,2	16	989,1	63
2	Bái Thượng	26,2	22	26,4	11	741,7	71	961,2	0
3	Vinh	26,4	40	26,8	15	1046,4	29	1315,2	7
4	Tương Dương	25,8	18	26,2	9	509,8	0	729,2	91
5	Hà Tĩnh	26,5	0	26,7	85	1216,3	30	1769,3	39
6	Tuyên Hoá	25,9	0	26,2	67	1161,1	27	1595,0	13
7	Đồng Hới	26,7	85	27,1	0	1129,2	36	1391,5	27
8	Đồng Hà	27,0	82	27,1	0	1000,6	25	1183,0	0
9	Huế	26,8	75	27,2	0	1024,5	0	1513,0	85
10	A Lưới	22,9	9	23,4	27	1146,2	0	1494,8	75
Nam Trung Bộ									
1	Đà Nẵng	27,2	73	27,6	0	931,4	0	1222,3	90
2	Tam Kỳ	26,9	100	27,2	0	773,9	0	1355,3	86
3	Trà My	25,5	88	25,8	0	1320,1	9	1776,9	18
4	Quảng Ngãi	27,0	17	27,3	11	983,8	0	1231,1	92
5	Ba Tơ	26,4	0	26,7	100	1070,3	100	1380,6	0
6	Quy Nhơn	28,3	33	28,5	22	722,6	70	878,6	0
7	Tuy Hoà	27,5	9	27,7	82	567,6	7	931,3	64
8	Sơn Hoà	26,7	0	26,9	14	592,9	0	839,3	88
9	Nha Trang	27,4	69	27,6	0	452,9	0	567,4	67
10	Trường Sa	27,9	0	28,2	80	706,5	0	870,5	100
Tây Nguyên									
1	Kon Tum	23,5	25	23,8	17	705,0	0	894,2	88
2	Đắc Tô	22,4	100	22,9	0	774,6	0	896,7	100
3	Plâycu	21,9	82	22,0	0	895,3	9	1119,5	91
4	Ayunpa	26,0	89	26,2	0	506,8	0	676,4	88
5	Buôn Ma Thuột	23,5	21	23,7	21	719,5	69	860,9	0
6	M'Drak	24,4	0	24,7	0	578,9	0	815,3	89
7	Đắc Nông	22,5	0	22,9	86	1026,9	25	1237,5	0
8	Đà Lạt	18,2	0	18,4	75	723,0	16	805,5	74
9	Liên Khương	21,2	25	21,4	6	629,0	82	713,3	0
10	Bảo Lộc	21,7	0	22,0	83	1072,4	7	1254,6	71
Nam Bộ									
1	Phan Thiết	26,9	6	27,0	50	443,8	0	576,3	83
2	Phước Long	25,0	0	25,3	0	1176,6	0	1254,3	88
3	Tân Sơn Hoà	27,1	10	27,2	52	776,0	75	931,8	13
4	Vũng Tàu	26,3	21	27,3	21	645,2	5	738,6	79
5	Mỹ Tho	26,8	67	27,0	0	642,4	0	710,7	67
6	Cần Thơ	26,6	89	26,8	0	694,8	40	859,1	15
7	Rạch Giá	27,4	33	27,7	19	862,5	0	1018,4	100
8	Phủ Quốc	26,9	13	27,0	73	1303,1	11	1489,7	33
9	Sóc Trăng	26,7	0	26,9	57	804,5	69	923,0	0
10	Cà Mau	26,9	91	27,2	0	999,2	5	1099,8	68

MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

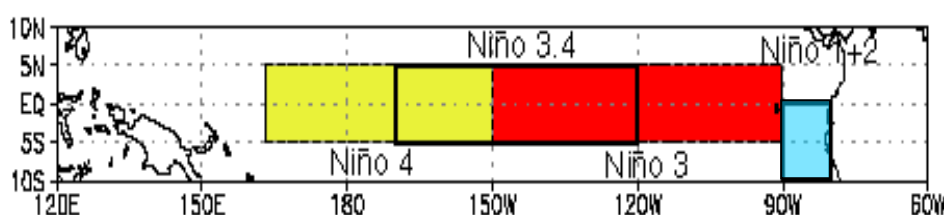
El Nino: El Nino là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Nino còn được gọi là "pha nóng".

La Nina: Ngược với El Nino, La Nina là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Nina còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD

là khu vực nằm trong khoảng 20°N - 20°S, 100°E - 60°W, Để xác định các hiện tượng



El Nino/La Nina người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO): SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Nino/La Nina (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO.